

Số: 16/TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 02 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết Đề án bảo đảm nước sạch, nhà tiêu hợp vệ sinh cho khu vực nông thôn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030

Kính gửi: Thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, UBND tỉnh đề nghị Thường trực HĐND tỉnh thống nhất việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh (Năm 2020) về Đề án Bảo đảm nước sạch, nhà tiêu HVS cho khu vực nông thôn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, cụ thể như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

1. Cơ sở pháp lý

Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của UBND tỉnh Ban hành Chương trình công tác năm 2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh.

Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 08/6/2018 của UBND tỉnh về việc thực hiện Kế hoạch số 127-KH/TU ngày 05/4/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới.

2. Cơ sở thực tiễn

Trong những năm qua, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và sự tham gia của người dân, Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đã mang lại hiệu quả đáng kể, góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội; bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe và cải thiện đời sống Nhân dân khu vực nông thôn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030. Theo số liệu Bộ chỉ số theo dõi - đánh giá Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Ngãi năm 2019 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 226/QĐ-UBND ngày 20/02/2020, đến cuối năm 2019:

- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh (HVS): 93% (298.275 hộ/320.731 hộ). Trong đó:

+ Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước HVS từ công trình cấp nước tập trung: 16,14% (51.762 hộ/320.731 hộ).

+ Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước HVS từ công trình cấp nước nhỏ lẻ: 76,86% (246.513 hộ/320.731 hộ).

- Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch đáp ứng QCVN: 45,46% (145.799 hộ/320.731 hộ). Trong đó:

+ Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung: 16,14% (51.762 hộ/320.731 hộ).

+ Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước nhỏ lẻ: 29,32% (94.037 hộ/320.731 hộ).

- Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn sử dụng nhà tiêu HVS (HVS) đạt 72,9%, tăng lên 13,4% trong vòng 8 năm (59,5% năm 2010 và 72,9% năm 2018).

Tuy nhiên, tỷ lệ sử dụng nước sinh hoạt HVS và nhà tiêu HVS còn thiếu bền vững, vào mùa khô hạn thường thiếu nước sinh hoạt, nhà tiêu HVS ở các vùng miền núi còn thấp, tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nhà tiêu HVS phân bố không đồng đều giữa các vùng đồng bằng, miền núi và hải đảo. Đặc biệt, vùng núi còn rất thấp, cụ thể ở các huyện: Ba Tư (30,67%), Minh Long (53,22%), Sơn Hà (28,70%), Sơn Tây (20,52%), Tây Trà (23,54%) và Trà Bồng (43,25%).

Để tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới; đồng thời, góp phần đạt được các tiêu chí 17.1 (Tỷ lệ hộ được sử dụng nước HVS và nước sạch theo quy định), 17.6 (Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt HVS và đảm bảo 3 sạch) của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, thì việc xây dựng và trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về Đề án Bảo đảm nước sạch, nhà tiêu HVS cho khu vực nông thôn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030 là cần thiết.

II. Mục đích, quan điểm xây dựng Nghị quyết

1. Mục đích

Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

Khắc phục, những hạn chế, tồn tại trong thời gian qua để xây dựng các cơ chế, chính sách đổi mới các hoạt động bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, bảo đảm thực hiện các mục tiêu Nghị quyết 20 và Kế hoạch 127 đã đề ra, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Quan điểm chỉ đạo

Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới.

III. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

- Nước sạch: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Nhà tiêu HVS: Hộ nghèo, hộ cận nghèo khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

IV. Mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

- Thực hiện bảo đảm nước sạch, nhà tiêu HVS là góp phần nâng cao sức khỏe cả về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn trong tỉnh. Bảo đảm mọi người dân khu vực nông thôn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030 được sử dụng nước sạch, nhà tiêu HVS.

- Nâng cao nhận thức, thay đổi thái độ, hành vi của từng cá nhân và cộng đồng về sử dụng nước sạch, nhà tiêu HVS góp phần hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

b) Mục tiêu cụ thể

b.1) Đến năm 2020

- Đạt 95% dân số nông thôn được sử dụng nước HVS, trong đó có 50% sử dụng nước sạch đạt QCVN 02:2009/BYT của Bộ Y tế (*Theo Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 23/10/2015 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIX*), với tiêu chuẩn cấp nước từ 80 - 100 lít/người/ngày.

- Đạt 75 % hộ gia đình nông thôn có nhà tiêu HVS (Trong đó: Hộ nghèo đạt 48%, hộ cận nghèo đạt 57%).

b.2) Đến năm 2025

- Đạt 100% dân số nông thôn được sử dụng nước HVS, trong đó có 72% sử dụng nước sạch đạt QCVN 02:2009/BYT của Bộ Y tế, với tiêu chuẩn cấp nước từ 80 - 100 lít/người/ngày.

- Đạt 88 % hộ gia đình nông thôn có nhà tiêu HVS (Trong đó: Hộ nghèo đạt 73%, hộ cận nghèo đạt 75%).

b.3) Đến năm 2030

- Đạt 100% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đạt QCVN 02:2009/BYT của Bộ Y tế (*Theo Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày*

27/11/2017 của UBND tỉnh Phê duyệt Quy hoạch cấp nước sạch nông thôn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030), với tiêu chuẩn cấp nước từ 80 - 100lít/người/ngày.

- Đạt 100 % hộ gia đình nông thôn toàn tỉnh có nhà tiêu HVS.

2. Nhiệm vụ

- Đầu tư xây dựng mới 37 dự án và sửa chữa, nâng cấp mở rộng 42 dự án cấp nước sạch nông thôn tập trung trên toàn tỉnh.

- Hỗ trợ xây dựng 11.352 nhà tiêu tự hoại và 10.305 nhà tiêu khô chìm.

- Vận động các hộ dân nông thôn xây dựng công trình hộ gia đình như giếng đào, giếng khoan, đảm bảo tiêu chuẩn nước sinh hoạt.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông và nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, khai thác công trình.

3. Giải pháp thực hiện

Sau khi được Thường trực HĐND tỉnh thống nhất cho chủ trương xây dựng Nghị quyết về Đề án bảo đảm nước sạch, nhà tiêu HVS cho khu vực nông thôn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, UBND tỉnh sẽ tập trung, chỉ đạo cơ quan dự thảo khẩn trương hoàn thành các thủ tục theo quy định để trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp giữa năm 2020.

V. Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo việc thi hành Nghị quyết

1. Dự kiến nguồn lực

- Tăng cường huy động các nguồn vốn đầu tư và bố trí đủ vốn để thực hiện Đề án.

- Lồng ghép các nguồn vốn của chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và các nguồn vốn khác.

- Huy động từ các nguồn vốn viện trợ, nguồn vốn đóng góp và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện Đề án.

- Huy động tối đa nguồn lực của địa phương (tỉnh, huyện, xã) để tổ chức thực hiện Đề án, tỉnh sẽ bố trí từ nguồn ngân sách địa phương để triển khai thực hiện Đề án, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn.

- Thực hiện chủ trương vốn vay tín dụng ưu đãi theo Quyết định số 1205/QĐ-TTg ngày 19/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ Điều chỉnh mức vay tín dụng tối đa thực hiện chiến lược Quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

2. Điều kiện đảm bảo việc thi hành Nghị quyết

Sau khi Nghị quyết được HĐND tỉnh ban hành, UBND tỉnh sẽ tổ chức triển khai thực hiện; trong đó giao trách nhiệm thực hiện cho từng cấp, ngành,

đơn vị liên quan để đảm bảo tổ chức triển khai Nghị quyết được hiệu quả và thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh.

VI. Thời gian dự kiến trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết

Tại kỳ họp thường kỳ giữa năm 2020.

Đề nghị Thường trực HĐND tỉnh xem xét, thống nhất./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tư pháp;
- VPUB: CVP, PCVP(NN), KT, TH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN (hc61)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Căng